

MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TP HỒ CHÍ MINH NĂM HỌC 2024-2025

Theo Nghị quyết 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Tp. Hồ Chí Minh

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Số học sinh	Đơn giá	Tổng số tiết của 35 tuần thực học	NĂM HỌC 2024-2025		GHI CHÚ
						Dự toán	Tỷ lệ (%)	
I	Số học sinh		145					
	+ Khối Nhà trẻ		22					
	+ Khối Mầm		32					
	+ Khối Chồi		40					
	+ Khối Lá		51					
II	Dự toán chi đối với hoạt động của trường công lập:							
1	Học phí - Nhóm 1							
	Tổng dự toán thu		145			216.720.000	100%	
	+ Học phí khối Nhà trẻ	đồng/học sinh/tháng	22	200.000		39.600.000		
	+Học phí khối Mầm	đồng/học sinh/tháng	32	160.000		46.080.000		
	+Học phí khối Chồi	đồng/học sinh/tháng	40	160.000		57.600.000		
	+Học phí Khối Lá	đồng/học sinh/tháng	51	160.000		73.440.000		NS cấp bù theo NQ số 12/2024/NQ-HĐND từ 01/09/2024 cho trẻ mầm non 5 tuổi
	Tổng dự toán chi :					216.720.000	100%	
	Chi nguồn cải cách tiền lương					86.688.000	40%	
	Chi hoạt động					130.032.000	60%	

Kế Toán

Nguyễn Phước Ngọc Trâm


Ngày 10 tháng 9 năm 2024
Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Trâm Hương

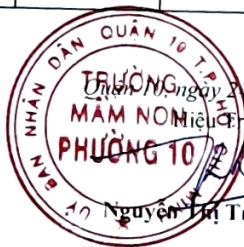
DỰ TOÁN CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THU CHI NĂM 2024-2025
PHỤ LỤC I
Các khoản thu -chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-2025
(Kèm theo công văn số 5307/SGDDT-KHTC ngày 26/08/2024 của Sở Giáo Dục Đào Tạo)

(Dvt: đồng)								
STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Công thức	Đơn giá	Tổng số tiết của 35 tuần thực học	NĂM HỌC 2024-2025		GHI CHÚ
						Dự toán	Tỷ lệ (%)	
1	Số học sinh		145					
	+ Khối Nhà trẻ		22					
	+ Khối Mầm		32					
	- Khối Chồi		40					
	- Khối Lá		51					
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú							
	Mức thu	đồng/học sinh/tháng	145	550.000		717.750.000	100%	9 tháng
	Tổng dự toán chi :					717.750.000	100%	
i	Thuế thu nhập doanh nghiệp& khấu hao							
	Thuế TNDN	Mức thu/học sinh * 2%/tháng	145	11.000		14.355.000	2%	9 tháng
	Khấu hao	Mức thu/học sinh * 1%/tháng	145	5.500		7.177.500	1%	9 tháng
ii	Chi đối với các phục vụ hỗ trợ tổ chức bán trú					696.217.500	97%	
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng							
	Mức thu	đồng/học sinh/tháng	145	200.000		261.000.000	100%	9 tháng
	Tổng dự toán chi :					261.000.000	100%	
i	Thuế thu nhập doanh nghiệp& khấu hao							
	2% thuế TNDN	Mức thu/học sinh/tháng * 2%/tháng	145	4.000		5.220.000	2%	

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Công thức	Đơn giá	Tổng số tiết của 35 tuần thực học	NĂM HỌC 2024-2025		GHI CHÚ	
						Dự toán	Tỷ lệ (%)		
	Khấu hao : 1% trên doanh thu	Mức thu/học sinh/tháng * 1%/tháng	145	2.000		2.610.000	1%		
ii	Chi đối với các phục vụ hỗ trợ tổ chức phục vụ ăn sáng					253.170.000	97%		
3	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu					5.800.000			
	Mức thu : 40.000đ/hs	đồng/học sinh/tháng	145	40.000		5.800.000	100%		
	Tổng dự toán chi :					5.800.000	100%		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp					5.800.000	2%		
		Mức thu/học sinh/tháng * 2%/tháng	145	800		116.000	2%	9 tháng	
+	2% thuế								
	Tiền khám sức khỏe học sinh (bao gồm khám nha học đường)		145	39.200		5.684.000	98%		
4	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh								
	Mức thu		145	50.000		65.250.000	100%	9 tháng	
	Tổng dự toán chi :					65.250.000	100%		
	2% thuế TNDN	Mức thu/học sinh/tháng * 2%/tháng	145	1.000		1.305.000	2%		
	Khấu hao : 1% trên doanh thu	Mức thu/học sinh/tháng * 1%/tháng	145	500		652.500	1%		
	Chi đối với các phục vụ hỗ trợ hoạt động cho các lớp học có máy lạnh						97%		
						63.292.500			

Kế Toán

 Nguyễn Phước Ngọc Trâm


 Ngày 24 tháng 9 năm 2024
 MAM NONG
 PHUONG 10
 Nguyễn Thị Trâm Hương

PHỤ LỤC II

Các khoản thu -chi quản lý tổ chức các hoạt động giáo dục khác năm học 2024-2025
(Kèm theo công văn số 5307/SGDDT-KHTC ngày 26/08/2024 của Sở Giáo Dục Đào Tạo)

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Công thức	Đơn giá	Tổng số tiết của 35 tuần thực học	NĂM HỌC 2024-2025		GHI CHÚ
						Dự toán	Tỷ lệ (%)	
1	Số học sinh		145					
	+ Khối Nhà trẻ		22					
	+ Khối Mầm		32					
	+ Khối Chồi		40					
	+ Khối Lá		51					
II	Dự toán chi đối với hoạt động của trường công lập:							
1	Các khoản thu tổ chức hoạt động giáo dục khác							
	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ							
	Mức thu (HS*ĐG/tháng *9 th)	đồng/học sinh/tháng/môn	70	100.000		56.000.000	100%	8 tháng
	Tổng dự toán chi :					56.000.000	100%	
	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	= Tổng dự toán chi/số học sinh	70	100.000		56.000.000	100%	8 tháng
2.2	Tiền tổ chức Năng Khiếu vẽ							
	Mức thu (HS*ĐG/tháng *9 th)	đồng/học sinh/tháng/môn	60	80.000		38.400.000	100%	8 tháng
	Tổng dự toán chi :							
	Tiền tổ chức học năng khiếu : Vẽ	= Tổng dự toán chi/số học sinh	60	80.000		38.400.000	100%	8 tháng
2.3	Tiền tổ chức Năng khiếu Thể Dục Nhịp Điệu							

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Công thức	Đơn giá	Tổng số tiết của 35 tuần thực học	NĂM HỌC 2024-2025		GHI CHÚ
						Dự toán	Tỷ lệ (%)	
	Mức thu	đồng/học sinh/tháng/môn	60	80.000		38.400.000	100%	8 tháng
	Tổng dự toán chi :							
-	Tiền tổ chức học năng khiếu thể dục nhịp điệu	= Tổng dự toán chi/số học sinh	60	80.000		38.400.000	100%	8 tháng
III	Các khoản thu cho cá nhân học sinh							
1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú					49.300.000		
	Mức thu : 340.000đ/hs	đồng/học sinh/tháng	145	340.000		49.300.000	100%	
	Tổng dự toán chi :							
	Mua sắm thiết bị vật dụng học sinh bán trú	đồng/học sinh/tháng	145	340.000		49.300.000	100%	
2	Tiền mua sắm đồng phục học sinh	đồng/học sinh/bộ	120	130.000		15.600.000		
	Tổng dự toán chi :	đồng/học	120	130.000		15.600.000	100%	
3	Tiền học phẩm - học cụ - học liệu					78.650.000	100%	
3.1	Học phẩm							
	Mức thu học phẩm		145	50.000		7.250.000		
	Chi các khoản học phẩm	đồng/học sinh/năm	145	50.000		7.250.000	100%	
3.2	Học cụ - Học liệu							
	Mức thu học cụ - học liệu					71.400.000	100%	
	Nhà trẻ	đồng/học sinh/năm	22	450.000		9.900.000		
	Mẫu giáo	đồng/học sinh/năm	123	500.000		61.500.000		
	Chi các khoản học cụ - học liệu (Theo thông tư số 30/2021/TT-BGDĐT ngày 05/11/2021 của BGDĐT V/v Biên soạn, thẩm định phê duyệt và lựa chọn tài liệu để sử dụng trong các cơ sở GDMN ; Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của BGDĐT ; số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 17/09/2023; số 34/2013/TT-BGDĐT ngày 17/09/2013; Chương trình GDMN theo TT số 51/2021	đồng/học sinh/năm				71.400.000	100%	
		Nhà trẻ	22	450.000		9.900.000	100%	
		Mẫu giáo	123	500.000		61.500.000	100%	
3.3	Tiền suất ăn trưa bán trú							

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Công thức	Đơn giá	Tổng số tiết của 35 tuần thực học	NĂM HỌC 2024-2025		GHI CHÚ
						Dự toán	Tỷ lệ (%)	
	Mức thu tiền suất ăn trưa bán trú	đồng/học sinh/ngày	145	38.000		991.800.000	100%	
	Chi các khoản phục vụ cho suất ăn trưa bán trú	đồng/học sinh/ngày	145	38.000		991.800.000	100%	
3.4	Tiền suất ăn sáng							
	Mức thu tiền suất ăn sáng	đồng/học sinh/ngày	145	20.000		522.000.000	100%	
	Chi các khoản phục vụ cho suất ăn trưa bán trú	đồng/học sinh/ngày	145	20.000		522.000.000	100%	
3.5	Tiền nước uống							
	Mức thu tiền nước uống	đồng/học sinh/tháng	145	15.000		19.575.000	100%	
	Chi các khoản tiền nước uống	đồng/học sinh/tháng	145	15.000		19.575.000	100%	

Ký Toán

Nguyễn Phước Ngọc Trâm



ngày 24 tháng 9 năm 2024

Chức vụ: Trưởng

Nguyễn Thị Trâm Hương